

Bản án số: 35/2023/HS-ST

Ngày: 06/6/2023

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái và ông Huỳnh Công Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đáng – Kiểm sát viên trung cấp.

Vào ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Phan Thanh H, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1978; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; con ông Phan N (đã chết) và bà Tăng Thị H, sinh năm 1951; có vợ Phan Thị T, sinh năm 1976 và 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 05/11/2020, bị Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt 40.000.000 đồng về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, nộp phạt ngày 05/12/2022. Nhân thân: Ngày 26/10/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” theo Khoản 1 Điều 257 và Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; ngày 25/4/2017, bị Hạt kiểm lâm huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái phép”, đã nộp phạt; tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 19/01/2023; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban NH dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Do ông Đào Đức H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban NH dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên làm đại diện; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Tạ Ngọc K, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 18 Nguyễn Mỹ, Khu phố Chí Thạnh, Thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

2. Trần Ngọc Đ, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn Phú Sen Đông, xã Hoà Định Tây, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3. Đào Đức H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

4. Đặng Thanh H, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

5. Thái Xuân H, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

6. Lê Văn L, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

7. Thái Xuân C, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

8. Phạm Văn L, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

9. Lê Trúc B, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

10. Huỳnh Duy T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

11. Võ Anh T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

12. Cao Thanh B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

13. Đào Văn S, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thanh H biết rõ rừng tự nhiên tại khu vực Suối Tía thuộc khoảnh 3, tiểu khu 173 thuộc xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên do Ủy ban nH dân xã S quản lý nhưng do muốn chiếm đất rừng để trồng cây keo nên nảy sinh ý định thuê người phát dọn cây rừng, H đã nói dối là rừng đã được Nhà nước giao khoán cho H và cam kết cắt phát sẽ không bị xử lý nên những người dân đã đồng ý làm thuê cho H. Từ ngày 10/7/2021 đến 12/7/2021, H thuê Thái Xuân H, Lê Văn L, Thái Xuân C, Phạm Văn L, Lê Trúc B dùng máy cắt cỏ cắt cây rừng nhỏ và dây leo với diện tích 15.350m², trong đó Lê Trúc B tham gia cắt một ngày. Ngày 12, 13/7/2021, H thuê Huỳnh Duy T, Võ Anh T, Cao Thanh B, Đào Văn S dùng máy cưa lóc cắt hạ hoàn toàn cây rừng trên diện tích 15.350m². Khoảng 15 ngày sau, H đốt diện tích rừng đã được cắt hạ và làm cháy thêm diện tích 4.350m², H trồng được 200 cây keo, lúc này các cơ quan chức năng kiểm tra một số diện tích phá rừng khác, H sợ bị phát hiện nên dừng trồng keo.

Kết luận giám định tư pháp số 1371 ngày 01/12/2021 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Diện tích cây rừng bị chặt: 19.700m². Chức năng: Rừng sản xuất. Trạng thái: Rừng tự nhiên nghèo kiệt. Trữ lượng rừng bình quân/ha: 31,620 m³.

Kết luận định giá số 03 ngày 02/3/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tỉnh Phú Yên kết luận: Giá trị thiệt hại đối với diện tích 19.700 m² rừng tự nhiên là rừng sản xuất có trữ lượng rừng bình quân 31,620 m³/ha là 441.766.031 đồng.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSPY-P1 ngày 08/4/2023 của Viện kiểm sát nH dân tỉnh Phú Yên truy tố Phan Thanh H về tội “Huỷ hoại rừng” theo Điểm đ, Khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh H vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phan Thanh H phạm tội “Huỷ hoại rừng”;

Về Hình phạt: Áp dụng Điểm đ, Khoản 2 Điều 243; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Phan Thanh H

từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 19/01/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Bị cáo Phan Thanh H phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự – Ủy ban n H dân xã S, huyện S số tiền 441.766.031 đồng, đã bồi thường 25.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 416.766.031 đồng.

Trả cho nguyên đơn dân sự – Ủy ban n H dân xã S, huyện S số tiền 25.000.000 đồng mà bị cáo Phan Thanh H đã nộp khắc phục.

Về biện pháp tư pháp khác : Áp dụng Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự . Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền : 7.380.000 đồng mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp vào tài khoản số 394909040469 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 (Một) xe mô tô gắn biển kiểm soát 78F3-0611, loại xe Win, màu đen; 01 (Một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0032919; 01 (Một) điện thoại di động loại bàn phím, màu đen có dòng chữ NOKIA của bị cáo Phan Thanh H.

Về án phí: Bị cáo Phan Thanh H phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thanh H không tranh luận gì . Nói lời sau cùng , bị cáo xin được pháp luật khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án không bị khiếu nại. Việc điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, nên các chứng cứ thu thập được đều đảm bảo giá trị chứng minh và hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa , vắng mặt 01/13 người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan. Nhưng xét thấy, người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng

mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó, chấp nhận ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Sau khi tổng hợp, kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án, thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Thanh H tại phiên tòa, cũng như tại Cơ quan điều tra đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; kết luận giám định, định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu là chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tháng 7 năm 2021, Phan Thanh H đã nói dối mình được Nhà nước giao đất, thuê người phát dọn, chặt phá và đốt 19,700m² rừng tự nhiên, chức năng rừng sản xuất tại khu vực Suối Tía thuộc khoảnh 3, tiểu khu 173 thuộc xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên do Ủy ban nH dân xã Quản lý, để chiếm đất trồng Keo, gây thiệt hại 441.766.031 đồng. Nên bản Cáo trạng số: 25/CT-VKS-P1 ngày 08/4/2023 của Viện kiểm sát nH dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Phan Thanh H về tội “Hủy hoại rừng” theo Điểm đ, Khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo Phan Thanh H không chỉ xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, mà còn xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái; bản tH bị cáo là người có n H tH xấu, đã từng bị kết án và nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép, nhưng không tích cực sửa chữa lỗi lầm lại tiếp tục phạm tội, nên cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo luôn thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bồi thường số tiền 25.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả; mặt khác bị cáo có công với cách mạng, là thương binh; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận, đang trực tiếp chăm sóc mẹ già, con đang là học sinh, vợ bị bệnh động kinh; nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

[4.1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự – Ủy ban nH dân xã S, huyện S yêu cầu bị cáo Phan Thanh H bồi thường thiệt hại sinh thái rừng và môi trường rừng tự nhiên số tiền 441.766.031 đồng; bị cáo Phan Thanh H chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của đại diện cho nguyên đơn dân sự, bị cáo đã nộp bồi

thường 25.000.000 đồng, nên còn tiếp tục bồi thường 416.766.031 đồng. Xét sự thỏa thuận của bị cáo với nguyên đơn dân sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Bị cáo Phan Thanh H đã nộp bồi thường 25.000.000 đồng, tuyên trả cho nguyên đơn dân sự – Ủy ban nH dân xã S, huyện S.

[5] Về biện pháp tư pháp khác: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được bị cáo Phan Thanh H thuê phát dọn, cắt hạ cây rừng; được trả tiền công và đã giao nộp lại, gồm: Thái Xuân H 950.000 đồng, Thái Xuân C 950.000 đồng, Phạm Văn L 950.000 đồng, Lê Văn L 950.000 đồng, Lê Trúc B 380.000 đồng, Đào Văn S 800.000 đồng, Huỳnh Duy T, 800.000 đồng, Võ Anh T 800.000 đồng, Cao Thanh B 800.000 đồng; tổng cộng: 7.380.000 đồng. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính, trực tiếp liên quan đến tội phạm, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô gắn biển kiểm soát 78F3-0611, loại xe Win, màu đen; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0032919; 01 điện thoại di động loại bàn phím, màu đen có dòng chữ NOKIA của bị cáo Phan Thanh H. Bị cáo Phan Thanh H còn phải thi hành phần bồi thường dân sự, án phí; nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tất cả vật chứng có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

[6] Về án phí: Bị cáo Phan Thanh H bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $416.766.031 \text{ đồng} \times 5\% = 20.838.300 \text{ đồng}$ theo Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; thì người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án.

[7] Ông Trần Ngọc Đ – Cán bộ Hạt kiểm lâm huyện Sơn Hòa được pH công phụ trách địa bàn xã Sơn Long, nhưng từ ngày 10/7/2021 đến 13/7/2021, ông Đức được Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Sơn Hòa trung tập làm việc tại chốt bảo vệ rừng tại xã Phước Tân, huyện Sơn Hòa. Ông Đặng Thanh H – Cán bộ lâm nghiệp xã Sơn Long, ngày 12/7/2021 có đi tuần tra bảo vệ rừng tại tiểu

khu 173 thuộc xã Stheo chỉ đạo của ông Đào Đức H – Chủ tịch Ủy ban nH dân xã nhưng để kiểm tra vị trí rừng bị hủy hoại phải đi từ hướng xã An Xuân, huyện Tuy An trong khi thời gian này dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, thực hiện xã cách ly xã, đồng thời trong thời gian này ông Hùng còn được tăng cường tham gia phòng chống dịch Covid-19 tại chốt gác xã Snên không thể tuần tra, kiểm tra phát hiện diện tích rừng bị hủy hoại. Do đó, hành vi của các ông Trần Ngọc Đ, Đào Đức H, Đặng Thanh H không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

[8] Các ông Thái Xuân H, Lê Văn L, Thái Xuân C, Phạm Văn L, Lê Trúc B, Huỳnh Duy T, Võ Anh T, Cao Thanh B, Đào Văn S là những người làm công cho Phan Thanh H, do tin tưởng diện tích rừng này đã được cơ quan Nhà nước giao khoán cho H khai thác, việc phát dọn, cắt hạ sẽ không bị xử lý, đồng thời vị trí rừng là diện tích nhỏ còn lại, xung quanh là rẫy trồng cây keo của người dân nên nhận lời làm công cho H. Sau khi xảy ra vụ án, đã tự nguyện đến Cơ quan chức năng khai báo, tích cực hợp tác giúp Cơ quan điều tra sớm làm rõ xử lý vụ án. Do đó, hành vi của các ông Hùng, Ly, Cần, Lâm, Bình, Tin, Tuấn Bân, Sâm không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thanh H phạm tội “Hủy hoại rừng”.

1. Về hình phạt: Áp dụng Điểm đ, Khoản 2 Điều 243; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Phan Thanh H – 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/11/2022 đến ngày 19/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự;

2.1. Bị cáo Phan Thanh H phải bồi thường thiệt hại sinh thái rừng và môi trường rừng tự nhiên cho nguyên đơn dân sự – Ủy ban nH dân xã S, huyện S số tiền 441.766.031đ (Bốn trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm ba mươi một đồng), đã bồi thường 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), nên bị cáo Phan Thanh H còn phải tiếp tục bồi thường 416.766.031đ (Bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm ba mươi một đồng).

2.2. Tuyên trả cho nguyên đơn dân sự – Ủy ban nH dân xã S, huyện S số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) mà bị cáo Phan Thanh H đã nộp khắc phục, gồm:

- 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) do bà Phan Thị Tuyết nộp thay cho bị cáo Phan Thanh H ngày 21/02/2023, vào tài khoản số 394909040469 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên.

- 5.000.000đ (Năm triệu đồng) do bà Phan Thị Thu Sương nộp thay cho bị cáo Phan Thanh H tại Biên lai số 0002936 ngày 06/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về biện pháp tư pháp khác : Áp dụng Khoản 1 Điều 46; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền : 7.380.000đ (Bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng) mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp vào tài khoản số 394909040469 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên, gồm: Thái Xuân H 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng); Thái Xuân C 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng); Phạm Văn L 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng); Lê Văn L 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng); Lê Trúc B 380.000 đồng (Ba trăm tám mươi nghìn đồng), đều nộp ngày 02/3/2023; Đào Văn S 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); Huỳnh Duy T, 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); Võ Anh T 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); Cao Thanh B 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), đều nộp ngày 01/3/2023.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 (Một) xe mô tô gắn biển kiểm soát 78F3-0611, loại xe Win, màu đen; 01 (Một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0032919; 01 (Một) điện thoại di động loại bàn phím, màu đen có dòng chữ NOKIA của bị cáo Phan Thanh H.

Tất cả vật chứng có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

5. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

5.1. Án phí hình sự sơ thẩm Bị cáo Phan Thanh H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Thanh H phải chịu 20.838.300đ (Hai mươi triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn ba trăm đồng).

6. Quyền kháng cáo : Bị cáo; nguyên đơn dân sự ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nH dân cấp cao (1);
- VKSND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh (2);
- PV 06 (1);
- PC 01 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- P.KTNV;
- Lưu AV, HS;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng